

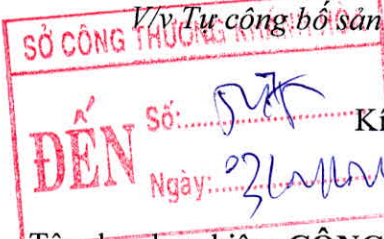
**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG  
MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01.../2022/CV-MK

V/v Tự công bố sản phẩm

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2022



Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0905221235

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm trong đó có hướng dẫn về thủ tục tự công bố sản phẩm.

Nay công ty chúng tôi gửi công văn này kèm theo hồ sơ tự công bố sản phẩm yền của chúng tôi (Danh sách sản phẩm kèm theo công văn này).

Hồ sơ gồm có:

- + Bản tự công bố sản phẩm;
- + Kiểm nghiệm sản phẩm
- + Đăng ký kinh doanh Công ty
- + Hợp đồng nguyên tắc, giấy chứng nhận ISO và đăng ký kinh doanh của bên gia công.

Doanh nghiệp chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và an toàn chất lượng sản phẩm.

Kính mong quý cơ quan xem xét và hỗ trợ.

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên & đóng dấu)

**GIAM ĐỐC**



*Trương Hoàng Phương*

## DANH SÁCH SẢN PHẨM TỰ CÔNG BỐ

| <b>STT</b> | <b>Tên sản phẩm</b>              | <b>Số tự công bố</b> |
|------------|----------------------------------|----------------------|
| 1.         | Yến nguyên chất chung đường phèn | 04/MK/2022           |
| 2.         | Yến chung đường phèn             | 05/MK/2022           |
| 3.         | Yến chung đông trùng             | 06/MK/2022           |
| 4.         | Yến chung long nhãn              | 07/MK/2022           |
| 5.         | Yến chung táo đỏ                 | 08/MK/2022           |
| 6.         | Yến chung hạt chia               | 09/MK/2022           |
| 7.         | Yến chung hạt sen                | 10/MK/2022           |
| 8.         | Yến chung nhân sâm               | 11/MK/2022           |
| 9.         | Yến chung Saffron                | 12/MK/2022           |
| 10.        | Yến chung Collagen               | 13/MK/2022           |
| 11.        | Yến chung đường ăn kiêng         | 14/MK/2022           |
| 12.        | Yến Kids Grow                    | 15/MK/2022           |

**SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA**

**PHIẾU CHUYỂN VĂN BẢN**

Số:..... 547

**Ý KIẾN CỦA GIÁM ĐỐC SỞ**

**Ý KIẾN CỦA PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày / /2023

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày / /2023

**Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG, ĐƠN VỊ**

**Ý KIẾN CỦA CHUYÊN VIÊN**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày / /2023

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày / /2023

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH KHÁNH HOÀ  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 4201749283**

*Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 07 năm 2017*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: DAI DUONG MK CO., LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Điện thoại: 02583823235 - 0905221235

Email: [daiduongmk@gmail.com](mailto:daiduongmk@gmail.com)

Fax:

Website:

**3. Vốn điều lệ** 8.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Tám tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/12/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 211808457

Ngày cấp: 08/06/2010 Nơi cấp: Công an Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 211808457

Ngày cấp: 08/06/2010

Nơi cấp: *Công an Bình Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Chứng minh nhân dân chính

Số chứng thực:..... Quyền số: 01 SCT/BS

21-12-2022

Công chứng viên

Văn Phòng Công Chứng Võ Thị Mỹ Nam



*Lê Minh Hiền*

TRƯỞNG PHÒNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



*Phạm Thị Phương Thảo*

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**  
**Số: CA./YĐNT-HĐGC/2021**

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội;
- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 15. tháng 11. năm 2022, chúng tôi gồm:

**Bên A (Bên đặt gia công): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Vạn Thắng, Nha Trang, Khánh Hòa  
Điện thoại : 0905221235  
Email : daiduongmk@gmail.com  
Mã số thuế : 4201749283

**Người đại diện: TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG – Chức vụ: Giám Đốc**

**Bên B (Bên nhận gia công): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG**

Địa chỉ : 9/5 Đường ĐHT 02, Khu phố 5, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 0931.102.606  
Email : congtyyendaonhatrang@gmail.com.  
Mã số thuế : 0314726120

**Người đại diện: BUI NGA – Chức vụ: Giám Đốc**

Sau khi trao đổi, hai bên đã thống nhất cùng cam kết những điều khoản hợp đồng như sau:

**ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, QUY CÁCH, SẢN LƯỢNG, GIÁ CẢ, THANH TOÁN**

**1. Hàng hóa:**

Bên B nhận sản xuất gia công thực phẩm Yến đóng chai thủy tinh.

Địa chỉ sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Yến Đảo Nha Trang  
2/3, đường Đông Hưng Thuận 10B, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Hồ Chí Minh.

Mẫu bao bì : theo tem và mẫu hộp do bên A thiết kế và chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung.

Chất lượng sản phẩm: theo sản phẩm mẫu được duyệt bởi hai bên. Phù hợp theo qui định của hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm đăng tải tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

**2. Quy cách sản phẩm :**

- Sản phẩm được đóng trong lọ thủy tinh 70 ml/lọ

**3. Sản lượng sản phẩm :**

- Số lượng đặt hàng tối thiểu : 1000 lọ / lô sản xuất.

- Số lượng đặt hàng cho mỗi đợt sẽ do hai bên thỏa thuận ở từng thời điểm và được thể hiện cụ thể bằng đơn đặt hàng theo mẫu đã được hai bên đồng ý

**4. Giá cả:**

- Đơn giá gia công:

+ Yến chung đường phèn: 11.000đ/hũ ( mười một nghìn đồng).

+ Thực hiện đến công đoạn in date, co màng co nắp.

- Điều chỉnh giá:

- + Trường hợp có biến động về nguyên liệu sản xuất mà phải điều chỉnh đơn giá, thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 14 ngày bằng văn bản để cùng tìm ra phương án tốt nhất với tinh thần hợp tác, cùng có lợi.
- + Đơn giá sản phẩm phải được ghi ở mỗi đơn đặt hàng.

5. **Thanh toán** :

- Đơn đặt hàng khi được hai bên xác nhận thì có giá trị, đồng thời Bên A tiến hành **đặt cọc tối thiểu tương đương 50%** trị giá của đơn hàng, sau đó Bên B tiến hành lên lịch sản xuất (từ 5 - 7 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền cọc).
- Sau khi Bên B giao hàng, hai bên đối chiếu số lượng thực tế so với đơn đặt hàng, thì Bên A sẽ tiếp tục thanh toán đủ phần tiền tương ứng còn lại trong 1 ngày làm việc.
- Đối với Khách hàng ở Tỉnh: Sau khi bên B sản xuất xong, Bên A thanh toán 50% số tiền còn lại. Bên B giao hàng ra thành phố và chụp phiếu xuất kho kèm phiếu nhận hàng của thành phố gửi cho Bên A. Bên A nhận hàng và tiến hành kiểm đếm, nếu có chênh lệch phản hồi cho bên B để hai bên thống nhất. Nếu có sai sót số lượng sẽ bù vào đơn hàng tiếp theo.

**ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG.**

1. **Địa điểm**: Sản phẩm được bên B giao tại kho bên A : trong phạm vi Tp Hồ Chí Minh, địa điểm do Bên A chỉ định trước 3 ngày so với ngày dự kiến giao hàng

- a. Giao nguyên lô: chi phí vận chuyển từ kho bên B đến kho bên A sẽ do bên A chịu, bao gồm chi phí bốc dỡ hàng tại kho bên A,
- b. Giao theo số lượng yêu cầu của bên A.
- c. Trừ những trường hợp thỏa thuận riêng được hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc thể hiện trên đơn đặt hàng.

2. **Thời gian giao hàng**: trong vòng 3-7 ngày kể từ khi hai bên đồng ý với chất lượng sản phẩm mẫu và nhận đơn hàng, tiền tạm ứng, nguyên vật liệu, bao bì mà bên A chuyển sang đạt yêu cầu sử dụng( nếu bên A tự mua nguyên vật liệu, bao bì) đối với lô hàng đầu tiên. Thời gian giao hàng của các lô hàng tiếp theo sẽ được hai bên thỏa thuận xác nhận theo từng đơn đặt hàng của bên A.

3. **Quy trình nhận đơn hàng**:

- Đại diện Bên A sẽ gửi đơn đặt hàng cho đại diện bên B bằng email để tiện cho bên B chuẩn bị sản xuất sản phẩm cho bên A. Bên B được xem như đã nhận được Đơn đặt hàng nếu bên A gửi đơn đặt hàng đến đúng địa chỉ email nêu bên dưới tại hợp đồng này.
  - o Email nhận đơn đặt hàng và các giao dịch: [congtyyendaonhatrang@gmail.com](mailto:congtyyendaonhatrang@gmail.com).

- Thành phẩm được pha chế và sản xuất theo đúng chất lượng được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này.

**ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN**

1. **Trách nhiệm và quyền hạn bên A**:

- Bên A ghi rõ thời gian yêu cầu, số lượng, thời gian nhận hàng, địa điểm và thể hiện rõ trong đơn đặt hàng. Có trách nhiệm thanh toán đúng hạn và đủ tiền cho bên B như đã ghi trong bảng hợp đồng này.
- Được quyền sử dụng tên, địa chỉ của bên B để in thông tin trên sản phẩm bên A.
- Bên A sở hữu trí tuệ nhãn hiệu và tên thương mại sản phẩm.
- Chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng về tính pháp lý của hàng hoá cũng như bao bì hàng hóa được nói đến trong hợp đồng này ( ngoại trừ chất lượng hàng hóa trong quá trình sản xuất).
- Trong quá trình vận chuyển, bảo quản, bên A phải lưu ý tuân thủ các điều kiện ghi trên nhãn hoặc hỏi ý kiến của bên B về các điều kiện này để đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm.
- Bên A thực hiện đúng theo các yêu cầu kiểm soát lưu thông phân phối
- Bên A phải thực hiện KCS trước khi đóng gói.
- Đảm bảo nhận hết sản phẩm do bên B sản xuất theo đơn đặt hàng của bên A. Bên A có quyền không nhận sản phẩm hoặc trả lại sản phẩm cho bên B nếu sản phẩm không đảm bảo chất lượng

trong quá trình sản xuất, số lượng, không đúng quy cách đóng gói. Để đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng thỏa thuận của hai bên, bên A có thể:

- o Lấy mẫu và kiểm định sản phẩm theo từng lô, chi phí do bên A chịu
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu xuất khẩu, mọi thủ tục bên A phải chịu trách nhiệm.

## 2. Trách nhiệm bên B:

- Bên B đảm bảo hàng hóa sản xuất đạt chất lượng theo thỏa thuận, đúng tiến độ yêu cầu và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Mọi thiệt hại gây cho người tiêu dùng do hàng hóa bên B sản xuất không đạt chất lượng thì bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B sở hữu toàn bộ công thức, quy trình sản xuất sản phẩm do bên B tự nghiên cứu sản xuất. Bên A không được quyền sử dụng công thức, quy trình của bên B để đăng ký sản xuất ở một nơi khác.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A những giấy tờ liên quan đến sản phẩm để đảm bảo thuận lợi cho việc kinh doanh của bên A.
- Bên B chỉ chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm trong quá trình sản xuất, ngoài ra khi sản phẩm hoàn thành và được tiêu thụ trên thị trường nếu có vấn đề gì liên quan đến bao bì, thông tin nhãn mác, mã vạch,... thì bên B không chịu trách nhiệm.
- Bên B chịu trách nhiệm phối hợp cùng với bên A giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng sản phẩm khiếu nại, thu hồi trên thị trường( nếu có xảy ra) tại kho của bên B
- Bên B tư vấn cho Bên A về điều kiện vận chuyển, bảo quản sản phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Về xuất hóa đơn tài chính: nếu bên A có nhu cầu lấy hóa đơn thì bên B chịu mức phí là 10%\* giá trị hóa đơn.

## - ĐIỀU 4: KHIẾU NẠI

### 1. Đối với hàng hóa:

- Mọi khiếu nại về số lượng (nếu có) phải được thực hiện trong thời gian 3 ngày kể từ khi nhận hàng đối với mỗi lô hàng
- Mọi khiếu nại về chất lượng sản phẩm( nếu có) phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hàng đối với mỗi lô hàng.
- Riêng trường hợp xuất hàng nguyên đai, nguyên kiện, sau khi nhập kho bên A, nếu Bên A phát hiện hàng bên trong có sự thiếu hụt về số lượng, bên A phải lập biên bản xác nhận của thủ kho, người nhận, người giám sát, thủ trưởng đơn vị đóng dấu và gửi qua bên B.

### Đối với giá cả:

- Nếu có sự sai sót về giá cả trên hóa đơn, phiếu xuất hàng thì bên A phải thông báo ngay cho bên B hoặc ngược lại. Mọi sự xem xét, điều chỉnh phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn, phiếu xuất hàng hoặc ngược lại

## **ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**

- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký. Sau thời hạn 1 năm kể từ ngày kí hợp đồng, hai bên cùng thương thảo lại để ký lại hợp đồng. Nếu hai bên không có sự đòi hỏi thay đổi hợp đồng thì hợp đồng này thì mặc nhiên có giá trị tiếp tục. Hợp đồng tự thanh lý sau 30 ngày khi hai bên xác nhận chấm dứt hợp đồng bằng văn bản và/ hoặc đã hoàn thành nghĩa vụ, thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho nhau.

- Hợp đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:

1. Theo sự thỏa thuận của đôi bên.
2. Một trong hai bên bị phá sản hoặc giải thể.
3. Theo sự phán quyết của tòa án có thẩm quyền.

## **ĐIỀU 6: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

### 1. Bồi thường thiệt hại

- Nếu bất kỳ bên nào trong hợp đồng này không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng này dẫn đến việc gây thiệt hại cho Bên còn lại thì bên vi phạm có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại.
  - Bên bị vi phạm có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp có thể nhằm tránh và hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra. Mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ này sẽ do bên vi phạm chịu trách nhiệm.
  - Bên bị thiệt hại từ hành vi vi phạm của bên kia có quyền có quyền trực tiếp khấu trừ số tiền phải thanh toán cho bên vi phạm cho bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát phát sinh do hành vi của bên vi phạm gây ra.
2. Phạt vi phạm
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một bên có một/một số hành vi vi phạm dưới đây thì bên vi phạm phải nộp phạt một khoản phạt vi phạm cho bên bị vi phạm. Giá trị khoản phạt vi phạm được tính bằng 5% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Các hành vi vi phạm bao gồm:
    - Giao hàng/thanh toán tiền trễ hạn
    - Giao hàng không đảm bảo chất lượng như đã thỏa thuận
    - Giao hàng không đủ số lượng
    - Các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác dẫn đến bên bị thiệt hại không đạt được mục đích khi thực hiện hợp đồng này.

**ĐIỀU 7: Trao đổi thông tin**

Mọi thông báo, yêu cầu hay bất cứ thông tin liên hệ liên quan đến Hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản và được gửi từ hoặc đến theo thông tin địa chỉ sau:

**Bên A (Bên đặt gia công) : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

- Địa chỉ : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Vạn Thắng, Nha Trang, Khánh Hòa
- Điện thoại : 0905221235

**Bên B (Bên nhận gia công) : Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN YÊN ĐẢO NHA TRANG**

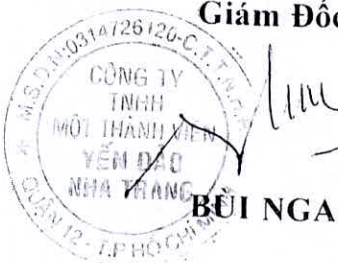
- Địa chỉ liên hệ: 9/5 Đường DHT02, Khu phố 5, P.Tân Hưng Thuận, Q.12, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0931102606
- Email : congtyyendaonhatrang@gmail.com.

**ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

1. Hợp đồng được thành lập theo sự thống nhất của 2 bên. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi phát sinh các bên kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi.
2. Trong trường hợp các tranh chấp không thể giải quyết bằng phương pháp hòa giải giữa hai bên, việc tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết và quyết định của tòa án có giá trị ràng buộc đối bên thực hiện mọi phần tồn do bên thua kiện chịu.
3. Nếu bên nào có sự thay đổi thì phải có thông báo chính thức bằng văn bản cho bên kia và phải nhận sự trả lời chính thức bằng văn bản.
4. Hợp đồng này được lập thành 2 ( hai ) bản, mỗi bên giữ 1 ( một ) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

**Bên B**  
**Giám Đốc Văn Phòng Công Chứng Võ Thị Mỹ Nam**

**Bên A**  
**Giám Đốc**



**BUI NGA**



**Minh Hiền**



**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0314726120**

*Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 11 năm 2017*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 20 tháng 09 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐÀO  
NHA TRANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YEN DAO NHA TRANG COMPANY  
LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*9/5 Đường DHT 02, Khu phố 5, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ  
Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 0931102606

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

2.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: BUI NGA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049084000668

Ngày cấp: 07/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự  
xã hội

Địa chỉ thường trú: MPN 9/5, Khu phố 5, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành  
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: MPN 9/5, Khu phố 5, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố  
Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: BUI NGA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/06/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049084000668

Ngày cấp: 07/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: MPN 9/5, Khu phố 5, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: MPN 9/5, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực.....156111.....Quyển số.....111.....SCT/BS

Ngày...2.9-11-2022.....

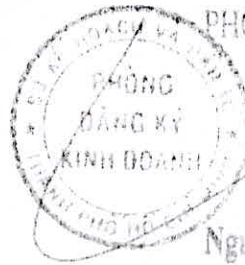
TUQ.CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH



Phạm Văn Phước

V. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Trung Chánh



CERTIFICATION

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
YẾN ĐÀO NHA TRANG

2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B,  
Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO 22000:2018

Trong các phạm vi hoạt động sau

Sản xuất và kinh doanh yến sào, các sản phẩm từ yến sào  
Sản xuất đồ uống không cồn, nước nhân sâm

Được duyệt bởi

Vũ Đình Bái  
Giám Đốc QECV



Ngày cấp giấy chứng nhận: 06/05/2021

Có hiệu lực đến ngày: 05/05/2024

Tái đánh giá chứng nhận trước ngày 06/04/2024. Chứng nhận từ 2021.  
Giấy chứng nhận này là tài sản của QEC Certification và vẫn còn hiệu lực  
tùy thuộc vào sự hợp lệ của các cuộc Đánh giá giám sát hàng năm

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

QEC Vietnam Company Limited..... Chứng nhận số QEC 88298866/21/FSU

102 Doc Lap Street, Tan Thanh Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City,  
Vietnam

Tel: 0903 192 807

Email: info@qecvietnam.com

Web: www.qecvietnam.com



Phạm Văn Phước



Member of SN Registrars (Holdings) Ltd

QEC CERTIFICATION



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 04/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến nguyên chất chung đường phèn

**2. Thành phần:** Yến sào 96%, đường phèn 3%, nước tinh khiết, chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ

- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20.. tháng 12.. năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên & đóng dấu)



**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

12.12.2022  
TN  
TH  
V  
Đ  
4TR

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến nguyên chất chung đường phèn

**Thành phần:** Yến sào 96%, đường phèn 3%, nước tinh khiết, chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.

- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam



## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 04/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-1

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : **Yến nguyên chất chùng đường phèn**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/ Result (s)           | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method             |
|----------|--|-------------------------------|--------------|-----------|--|
| 1        | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)       |
| 2        | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)           |
| 3        | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)      |
| 4        | LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | AOAC 975.55                              |
| 5        | LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)           |
| 6        | LS Streptococci feacal / Streptococci feacal                           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)  |
| 7        | LS Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)     |
| 8        | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) |
| 9        | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)  | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.003     | TS-KT-QP-27:2021                         |
| 10       | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.03      | TS-KT-QP-29                              |
| 11       | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                    | 0.65                          | %            | -         | TS-KT-HCB-001:2018                       |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng. Tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL. / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-1

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.   | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|---|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br>1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |   |                        |                 |              |                                 |

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 05/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chưng đường phèn

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.

- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ.

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐÀO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20.. tháng 12.. năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



(Ký tên & đóng dấu)

**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

01  
C  
NHH  
H  
A I  
AI  
AN

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yên chung đường phèn

Thành phần: Nước tinh khiết, yến sào 20%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YÊN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam



## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 05/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-3

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : YẾN CHUNG ĐƯỜNG PHÈN
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/ Result (s)           | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method             |
|----------|--|-------------------------------|--------------|-----------|--|
| 1        | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)       |
| 2        | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)           |
| 3        | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)      |
| 4        | LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | AOAC 975.55                              |
| 5        | LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)           |
| 6        | LS Streptococci feecal / Streptococci feecal                           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)  |
| 7        | LS Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)     |
| 8        | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) |
| 9        | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)  | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.003     | TS-KT-QP-27:2021                         |
| 10       | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.03      | TS-KT-QP-29                              |
| 11       | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                    | 0.66                          | %            | -         | TS-KT-HCB-001:2018                       |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-3

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

# TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 06/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yên chung đông trùng

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yên sào 20%, đông trùng 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (401, 406, 415, 418, 327), chất bảo quản(202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ

- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YÊN ĐẢO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 20.. tháng 12.. năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên & đóng dấu)



**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

2017  
CỘNG  
HỘ S  
HƯỞNG  
ĐẠI D  
M  
TANG

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yên chung đông trùng

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, đông trùng 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (401, 406, 415, 418, 327), chất bảo quản(202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ.

**NSX:** Xem trên bao bì sản phẩm.

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YÊN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 06/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-5

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : Yếm chưng đông trùng
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feecal / Streptococci<br>feecal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.62                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-5

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 07/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chưng long nhãn

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, long nhãn 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ.
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG**

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 20. tháng 12. năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



(Ký tên & đóng dấu)

**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

174  
ÔNG  
H SÀ  
SONG  
DUC  
DU  
MK  
VG-1

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến chưng long nhãn

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, long nhãn 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

20174  
CÔN  
TK  
SẢN  
HƯƠNG  
DỊCH  
ĐẠI I  
A TRANG

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 07/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-8

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**
2. Địa chỉ/ Client's Address : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 12/11/2022  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 12/11/2022  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 17/11/2022
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Yến chưng long nhãn**
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feecal / Streptococci<br>feecal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.66                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-8

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GPHH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- 1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

# TSL



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 08/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chưng táo đỏ

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, táo đỏ 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.

- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20... tháng 12... năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



(Ký tên & đóng dấu)

**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

Đ  
C  
H  
H  
A  
D  
I  
D  
AN

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến chung táo đỏ

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, táo đỏ 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 08/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-6

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : **Yến chưng táo đỏ**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/ Result (s)           | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method             |
|----------|--|-------------------------------|--------------|-----------|--|
| 1        | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)       |
| 2        | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)           |
| 3        | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)      |
| 4        | LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | AOAC 975.55                              |
| 5        | LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)           |
| 6        | LS Streptococci faecal / Streptococci faecal                           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)  |
| 7        | LS Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)     |
| 8        | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) |
| 9        | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)  | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.003     | TS-KT-QP-27:2021                         |
| 10       | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.03      | TS-KT-QP-29                              |
| 11       | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                    | 0.67                          | %            |           | TS-KT-HCB-001:2018                       |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/MK/2022

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chung hạt chia

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, hạt chia 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày .20. tháng .12.. năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên & đóng dấu)



**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

17  
ÔN  
H S  
JON  
DI  
P  
M  
INC

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến chung hạt chia

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, hạt chia 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.

- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

01749.  
CÔNG  
TY TNHH  
SẢN XUẤT  
THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ  
ĐẠI DƯƠNG  
MK

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 09/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



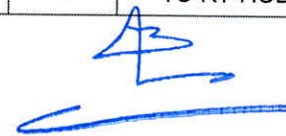
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-12

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : **Yến chưng hạt chia**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feecal / Streptococci<br>feecal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.65                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsi-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-12

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



CÔNG TY  
TNHH  
KHOA HỌC  
TSL  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/MK/2022

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yên chung hạt sen

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, hạt sen 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (401, 406, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20... tháng 12... năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



(K) tên & đóng dấu

**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

0174  
CÓN  
HHS  
HUON  
ĐI  
I DI  
M:  
ANG-

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yên chung hạt sen

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yên sào 20%, hạt sen 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (401, 406, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

### Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.

- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ.

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YÊN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

201748  
CÔNG  
TY  
SẢN  
HƯƠNG  
DỊCH  
ĐẠI  
DƯƠNG  
MK  
NHA  
TRANG

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 10/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-7

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : **Yến chưng hạt sen**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feecal / Streptococci<br>feecal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.66                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-7

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- 1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 11/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chưng nhân sâm

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, nhân sâm 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG**

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20... tháng 12... năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



(Ký tên & đóng dấu)

**TRƯỞNG HOÀNG PHƯƠNG**

174  
ÔN:  
H SẢ  
SON  
DİK  
Dİ  
M+  
VG--

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yên chung nhân sâm

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, nhân sâm 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YÊN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

20174  
CÔNG  
TY  
SẢN  
XUẤT  
DỊCH  
VỤ  
ĐẠI  
D  
YANG  
MK  
NHA  
TRANG

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 11/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-10

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**
2. Địa chỉ/ Client's Address : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 12/11/2022
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 12/11/2022
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 17/11/2022
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Yến chưng nhân sâm**
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feecal / Streptococci<br>feecal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.68                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-10

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.  | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GPHH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|--|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br>1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |   |                        |                 |              |                                 |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 12/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chung Saffron

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, saffron 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG**

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20... tháng 12... năm 2022



**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên & đóng dấu)

**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

749  
NG  
SẢN  
DUNG  
DỊCH  
DƯ  
MK  
G-T

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến chưng Saffron

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, saffron 5%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

1749  
CÔNG  
TY  
SẢN  
XUẤT  
DỊCH  
VỤ  
ĐẠI  
D  
YANG

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 12/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



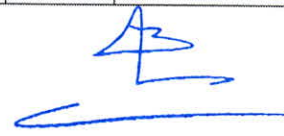
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-11

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**
2. Địa chỉ/ Client's Address : **Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **12/11/2022**  
*received*
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : **12/11/2022**  
*Performance of Test*
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **17/11/2022**
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Yến chưng saffron**
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong bao bì kín**
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feacal / Streptococci<br>feacal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.66                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-11

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

# TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 13/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chưng Collagen

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, collagen 5%, đường phèn 3%, hương liệu dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.

- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐÀO NHA TRANG**

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20. tháng 12. năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



**TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG**

17  
CÔN  
H:  
ƯƠ:  
. D:  
I F  
M  
/ NC

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến chung Collagen

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, collagen 5%, đường phèn 3%, hương liệu dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

01749  
CÔNG  
TY  
SẢN  
XUẤT  
DỊCH  
VỤ  
ĐẠI  
DƯƠNG  
MK  
NHA  
TRANG

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 13/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-9

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : YẾN CHỨNG collagen
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/ Result (s)           | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method             |
|----------|--|-------------------------------|--------------|-----------|--|
| 1        | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)       |
| 2        | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)           |
| 3        | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)      |
| 4        | LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | AOAC 975.55                              |
| 5        | LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)           |
| 6        | LS Streptococci feacal / Streptococci feacal                           | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)  |
| 7        | LS Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)     |
| 8        | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/mL       | 1         | Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) |
| 9        | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)  | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.003     | TS-KT-QP-27:2021                         |
| 10       | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)                                       | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.03      | TS-KT-QP-29                              |
| 11       | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                    | 0.65                          | %            | -         | TS-KT-HCB-001:2018                       |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-9

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.  | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|--|---|------------------------|-----------------|-------------|---------------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |   |                        |                 |             |                                 |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

# TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone: (+84) 28.3810.4336**

**Website: <http://tsl-net.com.vn>**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 14/MK/2022**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến chung đường ăn kiêng

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, đường ăn kiêng 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐÀO NHA TRANG**

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**



## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến chung đường ăn kiêng

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 20%, đường ăn kiêng 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ

**NSX:** In trên nắp lọ

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 14/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-4

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : Yến chưng đường ăn kiêng
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feacal / Streptococci<br>feacal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.64                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kết Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-4

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- 1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**




**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 15/MK/2022

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK**

Địa chỉ: Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0905221235**

Mã số doanh nghiệp: 4201749283 đăng ký lần đầu 04/07/2017. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:** Yến Kids Grow

**2. Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 30%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên nắp lọ.
- Ngày sản xuất: In trên nắp lọ
- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ngày/tháng/năm (DD/MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh, có dán tem nhãn. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 70 ml. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

Địa chỉ: 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn
2. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.**

Khánh Hòa, ngày 20... tháng 12... năm 2022

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



(Ký tên & đóng dấu)

**TRƯỜNG HOÀNG PHƯƠNG**

749  
ÔNG  
H SẢN  
ÔNG  
DỊCH  
DƯỠ  
MK  
VG-T

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Yến Kids Grow

**Thành phần:** Nước tinh khiết, yến sào 30%, đường phèn 3%, chất ổn định (406, 401, 415, 418, 327), chất bảo quản (202), hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Uống trực tiếp từ lọ.
- **Bảo quản:** Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không sử dụng khi sản phẩm đã hết hạn hoặc hư hỏng.

**Lưu ý:** Không nên sử dụng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi

**Thời hạn sử dụng:** In trên nắp lọ.

**NSX:** In trên nắp lọ.

**Khối lượng tịnh:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Sản xuất tại:** CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN ĐẢO NHA TRANG

**Địa chỉ:** 2/3 Đường Đông Hưng Thuận 10B, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Thương nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK

**Địa chỉ:** Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Xuất xứ:** Việt Nam

201749  
CÔN  
T  
SẢN  
HƯƠNG  
DỊCH  
ĐẠI  
TRANG

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố Số: 15/MK/2022

### 1.1. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Dạng đặc trưng của sản phẩm
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Vị ngọt đặc trưng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

### 1.2. Chỉ tiêu vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|--------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | CFU/g       | 10 <sup>2</sup> |
| 2  | <i>Coliforms</i>               | CFU/g       | 10              |
| 3  | <i>E. coli</i>                 | CFU/g       | Không có        |
| 4  | <i>Staphylococcus aureus</i>   | CFU/g       | Không có        |
| 5  | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g       | Không có        |
| 6  | <i>Streptococci faecal</i>     | CFU/g       | Không có        |
| 7  | <i>P. aeruginosa</i>           | CFU/g       | Không có        |
| 8  | Tổng số bào tử nấm men, mốc    | CFU/g       | 10              |

### 1.3. Hàm lượng kim loại nặng

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Chì (Pb)     | mg/l        | 0,05       |
| 2  | Thiếc (Sn)   | mg/l        | 150        |



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-2

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG MK
- Địa chỉ/ Client's Address** : Số 219/4 đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 12/11/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 12/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 17/11/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : YẾN kids grow
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                               | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method             |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1           | LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) /<br>Total aerobic microorganisms (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4884-1:2015 (ISO<br>4833-1:2013)       |
| 2           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 6848:2007 (ISO<br>4832:2007)           |
| 3           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia<br>coli (*)                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 7924-2:2008 (ISO<br>16649-2:2001)      |
| 4           | LS Staphylococcus aureus (*) /<br>Staphylococcus aureus (*)               | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | AOAC 975.55                                 |
| 5           | LS Clostridium perfringens (*) /<br>Clostridium perfringens (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | TCVN 4991:2005 (ISO<br>7937:2004)           |
| 6           | LS Streptococci feecal / Streptococci<br>feecal                           | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 6189-2:2009<br>(ISO 7899-2:2000)  |
| 7           | LS Pseudomonas aeruginosa (*) /<br>Pseudomonas aeruginosa (*)             | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8881:2011 (ISO<br>16266:2010)     |
| 8           | LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc<br>/ Total spores of yeasts and moulds  | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/mL          | 1            | Ref. TCVN 8275-1:2010<br>(ISO 21527-1:2008) |
| 9           | LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                            |
| 10          | LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)  | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.03         | TS-KT-QP-29                                 |
| 11          | LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)                                       | 0.63                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                          |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4221101322-2

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---|------------------------|-----------------|-------------|---------------------------------|
|-------------|---|------------------------|-----------------|-------------|---------------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**




**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề Shophouse D1 tại Khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.